

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Trà Bồng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND huyện Trà Bồng tại Tờ Trình số 07/TTr-UBND ngày 20/01/2011 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 223/SKHĐT ngày 21/4/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trà Bồng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trà Bồng đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Căn cứ vào các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và các Nghị quyết của Đảng bộ huyện, đồng thời xuất phát từ các tiềm năng và thực trạng kinh tế của huyện, trong 10-15 năm tới phát triển kinh tế-xã hội huyện bám sát các quan điểm cơ bản sau:

a) Phát triển kinh tế - xã hội huyện Trà Bồng phải đặt trong Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và phát triển kinh tế xã hội của các huyện miền núi, với trọng tâm là phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

b) Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế của huyện tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; phát triển hài hòa các ngành, các lĩnh vực, xây dựng nền kinh tế với cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ vào những năm 2015 và phát triển nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp cho thập niên tiếp theo. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái nhằm phát triển bền vững kinh tế huyện.

c) Kết hợp đồng bộ giữa phát triển sản xuất với phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH. Khuyến khích phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường.

d) Coi nguồn nhân lực là một nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế-xã hội huyện. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực. Gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội, giảm nghèo, nâng cao mức sống và phúc lợi xã hội của nhân dân. Giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát:

- Phân đầu cải thiện cơ bản vị thế kinh tế của huyện trong khu vực miền núi của tỉnh và đưa huyện trở thành huyện trung bình của tỉnh. Phát huy mọi lợi thế về đất đai, tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên rừng, đất rừng và du lịch), phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, đảm bảo chất lượng tăng trưởng. Chú trọng phát triển nông, lâm nghiệp; tạo bước đột phá trong phát triển nông nghiệp chất lượng cao, khai thác thế mạnh từ kinh tế rừng làm cơ sở để phát triển công nghiệp và từng bước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững nhằm giải quyết cơ bản vấn đề về dân trí, nghèo đói, lạc hậu. Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội như nước sạch, trường học, bệnh viện, trạm y tế, các khu vui chơi giải trí, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc trong huyện để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của cộng đồng cư dân trong huyện.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Phát triển kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 13,5-14,5% (2011-2015); 13,0-13,5% (2016-2020).

Tỷ trọng ngành công nghiệp sẽ ở mức 30-31% vào năm 2015, lên 32-32,5% năm 2020; tỷ trọng ngành dịch vụ theo các mốc thời gian trên là 21-22%, 24-25% và 26%, ngành nông nghiệp sẽ giảm dần theo các mốc thời gian là 47-47,5%, 41-41,5%

và 40%.

Không ngừng nâng cao chất lượng đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần. Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2015 đạt hơn 14-16 triệu đồng, năm 2020 đạt khoảng 30-38 triệu đồng bằng 55-60% mức trung bình của tỉnh.

- Về văn hoá - xã hội

Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn theo tiêu chí mới hiện nay chỉ còn dưới 28-30% (tỉnh dưới 10%) vào năm 2015 và 25% (tỉnh 8%) vào năm 2020. Cải thiện căn bản môi trường sống của cộng đồng dân cư trong huyện.

Phấn đấu giải quyết được trên 400-500 lao động mỗi năm. Giảm tỷ lệ không có việc làm thường xuyên xuống dưới 10%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo theo các mốc thời gian 2015-2020 là khoảng 27-33% (tỉnh 30-36%).

Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội trên địa bàn, đảm bảo đến năm 2015 đạt 97% và 100% vào năm 2020 dân cư được sử dụng điện lưới quốc gia; đạt 97% vào năm 2015 và 99% năm 2020 dân cư được dùng nước hợp vệ sinh; 100% dân cư được chăm sóc sức khoẻ ban đầu; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 25% vào năm 2015 và 20% vào năm 2020.

Phấn đấu đạt 50% (2015) và 75% (2020) số trường đạt chuẩn quốc gia. Đầu tư xây dựng trường cấp III Nội trú và Trường cấp III - Trà Bình.

Thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt mức tăng dân số bình quân đến năm 2015 tăng 1,2% và năm 2020 là 1,0%/năm. Thường xuyên quan tâm chăm lo sức khỏe nhân dân, đến năm 2015 toàn bộ (100%) trạm y tế có bác sỹ; đến những năm 2020 mỗi xã, thị trấn có 2 bác sỹ làm việc.

Chăm lo phát triển văn hóa, củng cố công tác thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách trong nhân dân. Phấn đấu đạt 100% xã, thị trấn có thôn văn hoá, khu dân cư văn hoá và phủ sóng phát thanh và truyền hình 100% toàn huyện vào năm 2015.

- Về bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng

Tăng cường phát huy nguồn lực của con người, năng lực khoa học công nghệ, kết cấu kinh tế - xã hội được nâng cao, bảo vệ và cải thiện môi trường, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự và ổn định xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững nền kinh tế của huyện.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Công nghiệp-TTCN và Xây dựng

- Mục tiêu chung:

Giai đoạn 2011-2015: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bình quân đạt khoảng 19,0%/năm. Tỷ trọng công nghiệp-TTCN và xây dựng trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn lên khoảng 31,2% vào năm 2015.

Giai đoạn 2016-2020: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt 16%/năm. Tỷ trọng công nghiệp-TTCN và xây dựng trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn khoảng 32,4% vào năm 2020.

- Biện pháp cụ thể:

Bằng nhiều biện pháp huy động nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài huyện đầu tư phát triển công nghiệp - TTCN. Trong phạm vi được phân cấp, tạo điều kiện ưu tiên về đất đai và thuế đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư trên địa bàn huyện.

Đẩy mạnh việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường tiên tiến, đồng thời chú ý tới tiêu chuẩn hàng hoá, bao gói, mẫu mã và thị hiếu; đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ và quản lý để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của huyện. Những ngành công nghiệp có lợi thế của huyện gồm: công nghiệp chế biến nông, lâm sản; khai thác sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất hàng tiêu dùng.

Xây dựng khu, cụm, điểm công nghiệp: Các cơ sở sản xuất công nghiệp của huyện cần phải được bố trí tại các khu, cụm công nghiệp tập trung để phát triển sản xuất hàng hóa và thuận tiện trong việc quản lý, bảo vệ môi trường, đồng thời đẩy nhanh số lượng cũng như chất lượng hàng hoá từ công nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm công nghiệp Thạch Bích. Quy hoạch thêm một số cụm, điểm công nghiệp như cụm công nghiệp - TTCN tập trung Trà Xuân, cụm công nghiệp cụm xã Tân-Bùi. Khai thác, đón đầu dọc đường nối Dung Quất - Bình Long -Trà Bồng-Trà My đi qua huyện.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp: Phát triển tiểu thủ công nghiệp góp phần giải quyết việc làm cho người lao động ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu phát triển các nghề thủ công sản xuất sản phẩm từ quế, mây, nhang, giang đan, chổi đốt,.. đã có truyền thống và đang phát triển khá mạnh. Tiếp tục tranh thủ mọi nguồn hỗ trợ của nhà nước từ các chương trình 134, 135, Nghị quyết 30a; của các tổ chức, cá nhân, mở các lớp đào tạo nghề sản xuất công nghiệp, hỗ trợ truyền nghề truyền thống cho nhân dân các xã trong huyện.

- Quản lý, thực hiện quy hoạch và triển khai theo quy hoạch:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác cấp phép xây dựng công trình đảm bảo đúng theo quy hoạch và thiết kế đã được duyệt. Làm tốt công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường giao thông.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ của nhà nước như chương trình 134, 135, Nghị quyết 30a và các dự án, đề án phát triển cơ sở hạ tầng, xây nhà, quy hoạch cụm công nghiệp, cụm du lịch của huyện.

Triển khai các quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện như: quy hoạch chung xây dựng đô thị thị trấn huyện lỵ; quy hoạch chi tiết một số thị trấn, thị tứ khác của

huyện, cụ thể: Triển khai xây dựng thị trấn, đồng thời dành đất để mở rộng thị trấn đến 200 ha vào năm 2020 và nghiên cứu nâng lên thành thị xã vào sau năm 2020. Xây dựng thị trấn Trà Bình (có thể sau năm 2015) và xây dựng các thị tứ thành các cực giao lưu của huyện là Trà Tân - cực giao thương với Sơn Tịnh, Trà Hiệp - cực giao thương với Trà My (Quảng Nam) và Trà Lâm - cực giao thương với Tây Trà.

b) Dịch vụ:

Giai đoạn 2011-2015: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành dịch vụ bình quân đạt 14,4%/năm; Tỷ trọng dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất huyện đạt 21,3% vào năm 2015.

Giai đoạn 2016-2020: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành dịch vụ bình quân đạt 16,6%/năm; Tỷ trọng dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất huyện đạt 26,1% vào năm 2020.

- Phát triển thương mại

* Định hướng chung:

Tiếp tục khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động thương mại. Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại trong huyện. Hình thành Khu thương mại tập trung tại thị trấn huyện lỵ, xây dựng các chợ tập trung, cố định ở các xã.

Số hộ kinh doanh thương mại tăng 10%/năm, đến năm 2015 đạt trên 1.600 hộ, năm 2020 có khoảng trên 2.300 hộ kinh doanh. Tổng mức doanh thu bán lẻ tăng 10%/năm, năm 2015 đạt 44-45 tỷ đồng đến năm 2020 đạt 65 tỷ đồng.

* Các biện pháp cụ thể:

Khuyến khích các thành phần kinh tế đều tham gia kinh doanh thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân được vay vốn tín dụng, mở rộng cơ sở kinh doanh. Phát triển hệ thống dịch vụ phục vụ như hệ thống bán hàng, cung ứng vật tư nông, lâm nghiệp; dịch vụ sửa chữa ô tô, xây xát, gia công cơ khí; dịch vụ rửa xe;...

Tham gia các Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm của tỉnh, tham gia các hoạt động hội chợ, triển lãm, đăng ký thương hiệu.

Tăng cường xã hội hoá, xây dựng hạ tầng cho phát triển thương mại.

- Phát triển du lịch:

* Định hướng chung:

Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn nếp sống văn minh, phát huy bản sắc văn hoá của từng dân tộc trong huyện. Khai thác du lịch trên cơ sở bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hoá của huyện. Đầu tư phát triển mô hình du lịch sinh thái gắn với khai thác các di tích lịch sử văn hoá, các thôn bản dân tộc ít người, bảo vệ và khai thác dịch vụ du lịch Di tích lịch sử Trường Luỹ.

Đến 2015 sẽ đón khoảng 70-75 nghìn lượt khách và năm 2020 là 100 nghìn lượt khách đến tham quan, nghỉ dưỡng. Doanh thu khoản 2,5 tỷ đồng vào năm 2015 và 4-5 tỷ đồng vào năm 2020.

*** Các biện pháp cụ thể:**

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch như khu trung tâm dịch vụ thương mại, khách sạn, nhà hàng,...

Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng phục vụ, chú trọng xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo mang phong cách riêng của huyện như: Cồng chiêng, nhạc cụ truyền thống của dân tộc Kor; các lễ hội đặc sắc riêng có như lễ đâm trâu, lễ cồng chiêng; các loại hình nghệ thuật hát dân ca Xà Ru, à Zói,...

Kêu gọi đầu tư vào các khu du lịch; khai thác lợi thế rừng, núi, thác đầu tư xây dựng mới một số điểm du lịch như: Hồ Gò Kiêu; suối nước nóng Thạch Bích; hang Đá Bà, núi Cà Đam (Trà Búi), di tích văn hóa Điện Trường Bà; thủy điện Cà Đú, thác Treo Giở, Trà Bói (Trà Giang), Hà Nang (Trà Thủy) và Hà Doi (Trà Lâm).

Quy hoạch hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng phù hợp với quy hoạch mở rộng thị trấn huyện. Khai thác các sản phẩm truyền thống tiêu thủ công nghiệp của huyện làm sản phẩm và quà tặng phục vụ du lịch như các sản phẩm từ quế, từ mây, tre,... Quy hoạch các khu vui chơi giải trí tại các thị trấn Trà Xuân, Trà Bình và các điểm du lịch, nghỉ dưỡng trong huyện trên cơ sở khai thác tiềm năng về cảnh quan hệ thống cây xanh, sông, suối, đồi núi,... Tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch.

- Phát triển dịch vụ vận tải:

Hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đường bộ theo hình thức tập trung. Hình thành các HTX vận tải có quy mô vừa để chủ động và khai thác hiệu quả hơn dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá. Nghiên cứu xây dựng đội vận tải quá cảnh trên đường Dung Quất- Bình Long -Trà Bồng -Trà My, phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hoá từ Quốc lộ 1A đến Đường Hồ Chí Minh và ngược lại.

Xây dựng cơ sở hạ tầng: kêu gọi đầu tư để xây dựng, hoàn thiện 1 bến xe khách ở thị trấn, đủ phương tiện và cơ sở dịch vụ để đón khách đầu tư và khách du lịch tới huyện. Sau năm 2015 nghiên cứu xây dựng một số bến khác ở các cực giao thương với bên ngoài như Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Tân. Nghiên cứu cùng với tỉnh xây dựng tuyến và bến xe buýt Trà Bồng-Quảng Ngãi; Trà Bồng-Dung Quất.

- Phát triển lĩnh vực ngân hàng tài chính, tín dụng:

*** Tài chính:** Tăng cường các biện pháp quản lý, khai thác mọi nguồn thu, nhất là nguồn thu thuế, từ rừng, từ đất đai. Chú trọng nuôi dưỡng, phát triển các nguồn thu, nắm vững đối tượng kinh doanh để quản lý thu thuế theo đúng quy định của pháp luật. Quản lý, điều hành ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cân đối giữa thu và chi ngân sách; thực hiện kiểm tra thu, chi ngân sách, bảo đảm quyết toán đúng Luật.

* Hoạt động tín dụng, ngân hàng: Khai thác tốt nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh tế của huyện. Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng; dụng công nghệ thông tin trong hệ thống các ngân hàng để thực hiện các dịch vụ qua ngân hàng an toàn, thuận tiện, hiệu quả; thực hiện việc thanh toán nhanh, chính xác.

c) Nông, lâm, thủy sản:

- Về nông nghiệp:

* Định hướng chung

Phát triển nền nông nghiệp chất lượng cao, ổn định lương thực và tăng sản phẩm hàng hoá, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và đáp ứng nhu cầu cho cộng đồng dân cư trong huyện. Đầu tư xây dựng khu chế biến tinh dầu quế và hàng nông sản. Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác và hợp tác xã là chủ yếu. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và các công nghệ mới vào sản xuất. Thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Lồng ghép các chương trình trên địa bàn nhằm tận dụng hỗ trợ từ bên ngoài để phát triển kinh tế huyện.

* Các biện pháp cụ thể:

- Về trồng trọt: ổn định lương thực bình quân đầu người từ 245-250 kg vào năm 2020. Duy trì diện tích trồng các cây lương thực ở mức ổn định ở mức 1.800 ha đất trồng lúa; đất trồng mỳ giữ khoảng 1.300ha. Sản lượng lương thực có hạt đạt trên 8.800 tấn năm 2015 và 9.000 tấn vào năm 2020.

Phát triển các cây có hiệu quả cao hơn cây lúa. áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa các giống có năng suất cao vào sản xuất. Duy trì diện tích trồng cây công nghiệp như mía, lạc, quế, hồ tiêu, Quy hoạch vùng trồng mía nguyên liệu phục vụ cho nhà máy đường Quảng Ngãi; Cây mía sẽ được phát triển ở các xã vùng thấp Trà Bình, Trà Phú với diện tích trên 30 ha. Phát triển nhanh cây quế với diện tích khoảng 2.800 ha cho sản lượng hàng năm lên 450-500 tấn, nâng cao chất lượng phục vụ cho xuất khẩu.

Mở rộng diện tích trồng các loại rau, đậu có giá trị cao hơn. Xây dựng các vùng chuyên canh xung quanh thị trấn Trà Xuân, quanh các khu, cụm công nghiệp và các thị tứ, cụm xã. Chọn các cây có giá trị cao như phát triển cây nguyên liệu, cây rau, đậu, có thể cả cây hoa, cây cảnh. Mở rộng các vùng chuyên canh cây rau, đậu các loại với diện tích trên 500ha ở các xã vùng thấp và quanh thị trấn Trà Xuân.

Quy hoạch và phát triển vùng trồng cây thức ăn gia súc, khoảng 30-40ha, phục vụ cho việc phát triển chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn các xã.

+ Về chăn nuôi: Đưa tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp lên 55-60% vào năm 2015 và 60-65% vào năm 2020. Xây dựng và triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò thịt, đưa tỷ lệ sinh hoá đàn bò lên trên 30% vào năm 2015 và 35% vào năm 2020. Tổ chức nuôi heo theo hướng tập trung tại các hộ gia đình với trang trại quy mô vừa, 20-30 con/hộ để tạo sản phẩm hàng hóa và quản lý được môi trường. Xây dựng mô hình hợp tác, HTX, cơ sở chăn nuôi theo hướng công

nghiệp tập trung, quy mô lớn hơn khoảng 100-200 con. Đảm bảo tốc độ tăng bình quân hàng năm 3-5%/năm. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng, phòng trừ dịch bệnh cho gia cầm. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 3-4%/năm. Nghiên cứu phát triển đàn dê chăn thả trên núi, đến năm 2015 có khoảng 700-1.000 con và năm 2020 có 5.000-7.000 con.

- Phát triển lâm nghiệp:

Hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh từ nghề rừng. Thực hiện rừng có chủ và tổ chức khai thác theo quy hoạch chi tiết. Tổ chức hướng dẫn cho các chủ rừng kinh doanh có hiệu quả để người trồng rừng có thu nhập ổn định, đồng thời đảm bảo nguồn nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến lâm sản. Thực hiện tốt công tác trồng rừng, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

Tận dụng tối đa nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, trước mắt thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2008 và Chương trình 661, cần phải có thiết kế lại diện tích rừng sản xuất theo hướng nhiều tầng và đa dạng chủng loại cây. Đẩy mạnh trồng rừng tập trung, rừng phòng hộ, mỗi năm trồng thêm 600-650 ha đến năm 2015 và sau đó giữ vững diện tích khoanh nuôi, tái sinh khoảng 12.000-15.000 ha rừng phục vụ sản xuất và giữ rừng phòng hộ. Độ che phủ rừng đạt trên 55% năm 2015 và lên 60% năm 2020.

- Về phát triển thủy sản:

Phát triển thủy sản bằng cách tận dụng, xen canh để tăng nhanh diện tích nuôi cá, tôm nước ngọt. Diện tích nuôi thủy sản tăng từ 20ha năm 2010 lên 24ha vào năm 2015 và ước khoảng 40ha trở lên vào năm 2020. Sản lượng thủy sản, cả đánh bắt và nuôi trồng, chủ yếu là nuôi trồng, từ 55 tấn năm 2010 lên 78 tấn năm 2015 và ước đạt 100 tấn vào năm 2020.

Huy động mọi nguồn vốn trong dân, đồng thời tạo điều kiện để các hộ được vay vốn từ các tổ chức tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển cho vay theo chương trình phát triển hạ tầng để nuôi trồng thủy sản; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng với các loại sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Kết hợp với Trung tâm Khuyến ngư tỉnh tổ chức nhân rộng các mô hình nuôi cá có hiệu quả phù hợp với vùng đất của huyện. Thí điểm và nghiên cứu nhân rộng mô hình nuôi cá sú. Tuy nhiên cần chú ý cân đối với bảo vệ môi trường theo hướng ưu tiên cho các biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Các lĩnh vực xã hội:

- Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo

* Mục tiêu phát triển

Phát triển giáo dục, đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu, có tính chiến lược hướng tới thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế. Phát triển giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại hóa và chuẩn hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

giáo dục; tăng cường đào tạo và nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục ở các bậc học, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Phấn đấu 100% trẻ đến tuổi được đi mẫu giáo, 100% trẻ đến 6 tuổi được vào lớp 1, 100% số học sinh trong độ tuổi hoàn thành chương trình tiểu học vào trung học cơ sở. Thực hiện phân luồng sau trung học cơ sở, đảm bảo 10% học sinh sau trung học cơ sở được học nghề. Nâng cấp trường Dân tộc nội trú huyện lên bậc trung học phổ thông (cấp III nội trú) và Trường cấp III - Trà Bình. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, chuẩn về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt. Đến những năm 2011-2015 đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn đào tạo, trong đó trên 35% giáo viên trên chuẩn đào tạo.

*** Giải pháp phát triển**

Hội khuyến học, Hội cha mẹ học sinh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đánh giá chất lượng học sinh, kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng cường công tác thanh tra, quản lý chỉ đạo của ngành. Tổ chức tập huấn công tác lập kế hoạch cho các cán bộ quản lý của ngành.

Xã hội hóa mạnh mẽ công tác giáo dục đào tạo, khuyến khích phát triển trường bán công, tư thục. Huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trường học theo hướng trường chuẩn quốc gia.

- Phát triển y tế, bảo vệ sức khỏe:

*** Mục tiêu phát triển:**

Phát triển y tế cần hướng tới việc thực hiện công bằng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; bảo đảm cho mọi người đều được khám, chữa bệnh; thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu và cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản. Đa dạng hóa và không ngừng nâng cao chất lượng các loại hình khám, chữa bệnh, phát triển dịch vụ y tế theo yêu cầu, tiến tới quản lý sức khỏe đến từng hộ gia đình.

Ngành y tế phấn đấu đến năm 2020 đạt các mục tiêu sau: Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi đạt dưới 25% vào năm 2015, dưới 20% vào năm 2020; xây dựng Phòng khám vực Trà Tân - Trà Bùi; đạt bình quân 18-20 giường/vạn dân vào năm 2015 và đạt 25 giường/vạn dân vào năm 2020; đến năm 2015 có 50-60% và năm 2020 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. đến năm 2015 đạt 90% và năm 2020 đạt tỷ lệ 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế; kiện toàn công tác tổ chức và đào tạo cán bộ. Đến năm 2015 tỷ lệ bác sĩ đạt 8 bác sĩ/1 vạn dân. Đến năm 2020 đạt 10 bác sĩ/1 vạn dân. Tất cả các xã đều có trạm y tế; 100% trạm y tế đều có bác sĩ làm việc vào năm 2015. Duy trì và đảm bảo 100% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ, đúng thời hạn.

*** Các giải pháp:**

- Kiện toàn mạng lưới giám sát bệnh dịch từ cấp huyện đến cơ sở. Tất cả các sở sở khám chữa bệnh, có kế hoạch chủ động và chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thuốc

men, hoá chất và nhân lực đảm bảo cứu chữa người bị nạn và phòng chống dịch bệnh khi có thiên tai, thảm họa xảy ra.

- Tăng cường công tác chăm sóc bà mẹ, trẻ em và thực hiện có hiệu quả công tác kế hoạch hoá gia đình. Thực hiện tốt công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cấp bảo hiểm xã hội cho nông dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý thuốc, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Quản lý có hiệu quả hoạt động của các cơ sở y, dược tư nhân.

- Phát triển các hoạt động văn hóa - TT, thể dục thể thao:

* Văn hoá - thông tin

Phát triển các hoạt động văn hóa thông tin nhằm thực hiện các nhiệm vụ thông tin tuyên truyền, đồng thời nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin và các phương tiện vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa - tinh thần của nhân dân trong huyện. Phần đầu đến năm 2020 toàn bộ (100%) xã trong huyện có nhà văn hóa; 95-100% cơ quan trường học, đơn vị trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hoá, 80-90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa và 85-90% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hoá. Xây dựng nhà văn hoá thôn và các nhà văn hoá điểm ở các xã vùng thấp. Khai thác và phát huy vốn di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc trong huyện. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng và nâng cấp Điện Trường Bà thành di tích văn hoá cấp quốc gia.

* Thể dục thể thao

Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng trên cơ sở đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thành lập các tổ chức và câu lạc bộ thể thao để đa dạng hình thức tập luyện. Đầu tư cho thể thao trường học, đào tạo thể dục, thể thao thành tích cao và phát triển các môn thể thao dân tộc. Đến năm 2015 có 38% số dân (toàn tỉnh đạt 25%), 30% số gia đình (toàn tỉnh đạt 23%) và năm 2020 sẽ có 40% số dân (toàn tỉnh đạt 28%), 35% số gia đình (toàn tỉnh đạt 25%) tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

- Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo:

Tranh thủ mọi sự hỗ trợ của nhà nước. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm. Tạo cơ hội cho người lao động tự kiếm việc làm. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh lao động kỹ thuật, lao động trong ngành sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

*** Mục tiêu cơ bản**

Bằng nhiều biện pháp mỗi năm giải quyết khoảng 1.000-1.200 chỗ làm việc cho người lao động cho giai đoạn sau 2011.

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên khoảng 28-30% vào năm 2015 và đạt 32-35% vào năm 2020. Đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 30% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010) và năm 2020 sẽ dưới 25%.

* Các biện pháp cụ thể: Chú trọng đến việc tự thoát nghèo vươn lên khá, giàu. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề để giải quyết nhiều việc làm cho người lao động. Thực hiện tốt các chính sách nhằm giảm nghèo, tăng cường mức hưởng thụ phúc lợi công cộng.

đ) Phát triển kết cấu hạ tầng:

- Phát triển giao thông

Trước mắt nhựa hoá 80% (85km) đường huyện (mục tiêu của tỉnh 90%); cứng hoá đường xã 50% (45km) (mục tiêu của tỉnh 80%), 3% các tuyến thôn xóm do huyện, xã đầu tư.

Nghiên cứu, kêu gọi đầu tư xây dựng đường dọc sông Trà Bồng và các cầu qua sông Trà Bồng. Nghiên cứu có thể đưa phương thức vận chuyển bằng cáp treo tại một số khu du lịch vừa nâng khả năng đi lại giữa các vùng, vừa đảm bảo chống lũ cũng như kết hợp với du lịch trong cả năm.

- Cung cấp điện

Xúc tiến xây dựng thủy điện như Hà Dơi, Trà Bói. Duy trì các trạm biến áp 22/0,4 KVA, xây mới một số trạm mới 160 đến 250KVA chủ động nguồn điện cho các khu công nghiệp, khu du lịch và khu dân cư đô thị.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số tuyến nhánh từ trạm 22KV-160KVA mới xây dựng về các trạm hạ thế. Xây thêm một số tuyến đường 0,4KV vào các hộ tiêu thụ lớn. Tăng cường dùng cáp ngầm trong các khu trung tâm và khu đô thị mới.

- Cấp, thoát nước

Giai đoạn đầu vẫn sử dụng nguồn nước hiện có của hồ thủy điện Cà Đú, xử lý và cấp nước cho huyện. Trong tương lai, để thực hiện các mục tiêu đề ra, sẽ phải nghiên cứu bổ sung nguồn nước khá dồi dào của sông Trà Bồng ở phía trên để cấp đủ nước, trước hết là nước sinh hoạt.

Xây dựng sớm trạm xử lý nước hiện đại để cung cấp nước sạch cho thị trấn Trà Xuân và vùng xung quanh. Công suất trước mắt khoảng 1.680m³/ngày đêm, sau đó nâng gấp 2 lần vào những năm sau 2015.

Tại các vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao nghiên cứu phương thức cung cấp nước đặc thù cho phù hợp. Kết hợp cả nước tự chảy và khoan giếng. Bằng các nguồn vốn hỗ trợ sẽ xây dựng ở mỗi thị tứ, cụm dân cư một trạm cấp nước hợp vệ sinh.

Xây dựng tại thị trấn một hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng biệt theo quy hoạch đô thị hiện đại. Hệ thống thoát nước tự nhiên phải được xây dựng khoa học, tách khỏi hệ thống nước sinh hoạt.

Vùng nông thôn tăng cường công tác vệ sinh, bố trí dân cư hợp lý và xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra đất và sông. Tập trung giải quyết hệ thống xử lý bằng hồ lắng.

- Bru chính, viễn thông

Đến năm 2015 huyện sẽ có khoảng 5.500 máy (12-13 máy/100 dân); năm 2020 sẽ có 8.000-9.000 máy, bình quân 20-25 máy/100 dân (trung bình của vùng miền núi Quảng Ngãi là 12/20 cho các giai đoạn tương ứng).

Truyền dẫn: Đảm bảo các đường trung kế giữa các tổng đài là cáp quang tạo thành mạch vòng (RING) để đáp ứng được nhu cầu chất lượng thông tin một cách cao nhất, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng, Video phone,...

Mạng di động: Hiện tại trên địa bàn huyện đã được phủ sóng di động nhưng còn hạn chế và khó khăn do điều kiện tự nhiên. Trong tương lai đến 2020 toàn huyện sẽ được hưởng tiện ích này.

Mạng Internet: sẽ từng bước được lắp đặt để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế ngày càng nhanh và nhu cầu sinh hoạt của người dân ngày càng hiện đại hơn. Hiện nay đã có 1.500 người sử dụng internet (số liệu năm 2010), đến năm 2015 sẽ có 3.000 người và đến năm 2020 ước có 7.000-8.000 người trở lên sử dụng internet trong công việc và sinh hoạt.

4. Quy hoạch phát triển theo lãnh thổ:

a) Phát triển đô thị

Đô thị là biểu hiện của quá trình hiện đại hóa. Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần phải đẩy nhanh tỷ lệ đô thị hóa. Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ đô thị hóa của huyện sẽ đạt 25% và đạt 25,5-26% vào năm 2020.

Một số biện pháp cụ thể:

- Triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết mở rộng thị trấn huyện lỵ Trà Xuân theo quy hoạch đã được phê duyệt (120 ha); xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, tương đối hiện đại cho một đô thị cấp huyện (cấp V) như giao thông kết nối nội-ngoại, trạm cấp điện, cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý các vấn đề về môi trường,... Tổ chức xây dựng phân khu chức năng theo quy hoạch. Đồng thời nghiên cứu để mở rộng thị trấn lên 160 ha vào năm 2015 và lên 200 ha vào những năm 2020.

- Nghiên cứu xây dựng thị trấn Trà Bình vào năm sau 2015. Đây là một cực phát triển của huyện, giao thương với Sơn Tịnh, Bình Sơn và xa hơn.

- Xây dựng một số thị tứ: Trà Hiệp trên đường giao thương với Trà My (Quảng Nam), thị tứ Trà Tân (cụm Trà Tân, Trà Bùi) và thị tứ Trà Lâm, giao thương với

huyện Tây Trà. Đây sẽ là các cực phát triển theo các hướng của huyện. Đề hợp lý về quy mô, khai thác có hiệu quả nguồn đất và thực hiện quản lý hành chính tốt hơn, nghiên cứu xây dựng đề án và đề xuất tách các xã như sau: Trà Sơn đề nghị được tách thành 2 xã; hai xã Trà Tân và Trà Bùi sẽ được tách thành 3 xã.

b) Phát triển các tiểu vùng

Có thể chia toàn bộ đất đai huyện thành 3 tiểu vùng mang tính chất đặc thù khác biệt và có ranh giới như sau:

* Tiểu vùng Trung tâm (vùng thấp): Gồm 3 xã, thị trấn Trà Xuân, xã Trà Bình, Trà Phú.

Hướng phát triển của vùng sẽ là:

- Trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa huyện;
- Phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp và nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao; cây công nghiệp nguyên liệu chế biến;
- Vùng rau, hoa, cây cảnh của huyện.
- Chăn nuôi gia cầm tập trung, chất lượng cao, chủ yếu phục vụ nhu cầu đô thị.

* Tiểu vùng cao phía Bắc: Gồm 5 xã Trà Sơn, Trà thủy, Trà Giang, Trà Hiệp và Trà Lâm.

Hướng phát triển của vùng sẽ là:

- Phát triển thủy điện nhỏ kết hợp với du lịch sinh thái rừng.
- Vùng còn một diện tích đất nông nghiệp đáng kể, nghiên cứu phát triển cây nông nghiệp chất lượng cao tại đây.
- Phát triển cây lấy gỗ nguyên liệu, gỗ gia dụng, gỗ xuất khẩu và một số cây đặc sản; Trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn.
- Chăn nuôi đại gia súc, đặc biệt đàn dê.

* Tiểu vùng cao phía Nam: Gồm 2 xã Trà Tân và Trà Bùi.

Hướng phát triển của vùng sẽ là:

- Phát triển cây lâm nghiệp, cây lấy gỗ, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng cụm công nghiệp (chế biến nông - lâm sản) tại xã Trà Tân.
- Xây dựng khu nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam, phát triển dịch vụ thương mại, du lịch; trồng hoa, cây cảnh phù hợp với khí hậu tiểu vùng;
- Nghiên cứu nuôi gia súc.

5. Một số giải pháp chủ yếu:

- Các giải pháp huy động và thực hiện vốn đầu tư:

Coi nguồn vốn trong nước (bao gồm cả trong và ngoài huyện) là nguồn vốn có tính quyết định đến sự phát triển bền vững và lâu dài, nhằm tạo ra động lực phát triển trong thời kỳ đầu, lấy đó làm hiệu ứng lan tỏa cho giai đoạn sau. Vốn đầu tư từ Nhà

nước có xu thế sẽ ngày một giảm đi, nhưng rất quan trọng, là đối với nền kinh tế của huyện. Đây là nguồn vốn mới, đảm bảo thu hút và bảo lãnh các nguồn vốn khác, tham gia đầu tư. Vốn từ các thành phần kinh tế khác, kể cả nguồn vốn nước ngoài, sẽ được tính toán tăng dần trong giai đoạn tới.

- Các giải pháp về đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực:

Giảm tỷ lệ tăng dân số, cung cấp đầy đủ các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, văn hóa, thể dục thể thao để cùng cả nước thực hiện chiến lược phát triển con người, cải tạo nòi giống. Coi trọng và thực hiện tốt chương trình giáo dục quốc gia trên địa bàn cho tất cả các bậc học, bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục hướng nghiệp. Đào tạo bằng cách tổ chức hướng dẫn trực tiếp các tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp cho người lao động.

- Chính sách phát triển khoa học công nghệ, môi trường:

Tập trung vào các khâu trọng yếu, các chương trình phát triển và ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn. ưu tiên phát triển công nghệ chế biến, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ sinh học,... Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin khoa học và công nghệ rộng khắp. Có cơ chế khuyến khích ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thông qua các biện pháp hỗ trợ về giống, cho vay ưu đãi, huấn luyện kỹ thuật,... Từ nay đến 2020 giành một phần vốn để nhân rộng, chuyển giao mô hình điểm thông tin khoa học và công nghệ ở các xã, thị trấn để phục vụ Chương trình phát triển kinh tế-xã hội huyện, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp huyện.

- Xúc tiến đầu tư, Tìm kiếm, mở rộng thị trường:

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tổ chức sản xuất hàng hóa tập trung. Hướng vào những sản phẩm có lợi thế của huyện như lâm sản, kể cả lâm sản xuất khẩu. Nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển những sản phẩm có sức cạnh tranh với hàng bên ngoài như sản phẩm từ quế, cả tinh dầu quế. Quản bá có hiệu quả thương hiệu cho cây quế. Đầu tư vào kết cấu hạ tầng như giao thông, điện, nước, cơ sở vận tải,... đồng bộ và hiện đại nhằm thu hút các nhà đầu tư cũng như các nhà kinh doanh tới huyện.

- Thực hiện các cơ chế chính sách:

Cải tiến công tác hành chính theo chỉ đạo chung của Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình Nhà nước trên địa bàn. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, đảm bảo quyền bình đẳng trong sản xuất kinh doanh giữa các thành phần kinh tế theo pháp luật của nhà nước. Khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, kinh tế hộ gia đình. Có biện pháp hỗ trợ thị trường cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người còn có nhiều khó khăn. Tăng cường công tác quản lý đất đai nhằm phát triển cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải và mạng lưới các chợ, các cơ sở thương nghiệp của mọi thành phần kinh tế, từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu.

6. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư:

(Có phụ lục đính kèm)

7. Các giải pháp về điều hành và thực hiện quy hoạch:

a) Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của huyện Trà Bồng đến năm 2020 cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện;

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các chương trình, dự án ưu tiên cho các nhà đầu tư.

b) Xây dựng chương trình hành động

- Sau khi quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch, UBND huyện Trà Bồng xây dựng chương trình hành động để thực hiện Quy hoạch.

- Cụ thể hoá các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. UBND huyện Trà Bồng căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch, phối hợp với các Sở, ngành liên quan của tỉnh chỉ đạo xây dựng, trình duyệt và triển khai thực hiện theo các nội dung sau:

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ và bền vững.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Các Sở, ngành liên quan của tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn và hỗ trợ UBND huyện Trà Bồng nghiên cứu lập các quy hoạch chi tiết nêu tại Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án theo lĩnh vực ngành có tác động quan trọng đối với sự phát triển của huyện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên kết nêu trong quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng và Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2010-2020

*(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 14/6/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	TÊN DỰ ÁN
A	DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
I	Dự án đầu tư từ nguồn vốn trung ương
1	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh
II	Dự án đầu tư từ nguồn vốn Trung ương, ngân sách tỉnh
1	Các công trình thủy lợi, hồ chứa nước và kè chống sạt lở khu dân cư
2	Kết cấu hạ tầng giao thông
3	Xây dựng các khu dân cư bị ảnh hưởng bão lũ, sạt lở theo tiêu chí nông thôn mới
III	Dự án từ nguồn vốn ngân sách tỉnh
1	Hạ tầng các chợ trong huyện
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện
3	Hạ tầng các cụm công nghiệp - TTCN
IV	Dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện
1	Quy hoạch điều chỉnh thị trấn Trà Xuân
2	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (9 xã)
3	Trường THPT số 2 Trà Bồng (xã Trà Bình)
4	Nâng cấp các trạm y tế xã
5	Tượng đài khởi nghĩa 28/8 huyện Trà Bồng
6	Cung văn hoá thiếu nhi huyện
7	Nhà tưởng niệm Bác Hồ
IV	Dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách huyện
1	Trung tâm nuôi dưỡng tình thương huyện
2	Sân vận động huyện
3	Sân vận động các xã Trà Bình, Trà Phú, Tân-Bùi
4	Câu lạc bộ người cao tuổi
5	Nhà văn hóa thiếu nhi các xã: Trà Bình, Trà Phú, Tân-Bùi
B	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ
1	Khu du lịch sinh thái Cà Đam-Hồ Nước Trong
2	Khu du lịch Trà Càn
3	Khu du lịch Trà Bói
4	Nhà máy Mỳ
5	Nhà máy chế biến tinh dầu Quế
6	Nhà máy sản xuất nguyên liệu (Nông, Lâm sản)

7	Nhà máy SX gạch, ngói Tuy Nen
8	Nhà máy SX gỗ dân dụng
9	Thủy điện Hà Nang + Du lịch sinh thái
10	Thủy điện Cà Đú + Du lịch sinh thái
11	Thủy điện Trà Bói + Du lịch sinh thái
12	Thủy điện Hà Doi
13	Các Điểm kinh doanh xăng dầu

***Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên được xác định cụ thể khi lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư trong từng thời kỳ./.